TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 3 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1220/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 61, tổ 5, ấp V, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Văn Minh C, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 95/14/1 đường số 367, tổ 9, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 10/8/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L trình bày:

Bà và ông Văn Minh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/CNKH, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2015. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Sau khi sinh con, bà và con sống tại nhà mẹ ruột, ông C không tới lui chăm sóc để bà một mình nuôi con. Bà và ông C ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà không thể tiếp tục chịu đựng cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà L trình bày có 01 (một) con chung tên Văn Trần Trí T, sinh ngày 20/11/2015. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L trình bày không có.

- Tại phiên tòa bà L trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với ông C; về con chung có một con chung tên Văn Trần Trí T, sinh ngày 20/11/2015. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có.

Ông Văn Minh C đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 10/8/2020, bà Trần Thị Thùy L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Văn Minh C hiện đang cư trú tại: Số 95/14/1 đường số 367, tổ 9, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Văn Minh C đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thùy L và ông Văn Minh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/CNKH, Quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Trần Thị Thùy L thì sau kết hôn giữa bà và ông Văn Minh C đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm thấy hạnh phúc. Bà và ông C ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà thấy không thể tiếp tục chung sống với ông C được nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Ông C đã được Tòa triệu tập nhưng ông không đến Tòa, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ ông C không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông C đã đến mức

trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông C theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Thùy L có một con chung tên Văn Trần Trí T, sinh ngày 20/11/2015. Xét trẻ Văn Trần Trí T còn nhỏ, hiện đang chung sống với bà L, để tạo tâm lý ổn định cho trẻ nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Văn Trần Trí T cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà L tạm thời không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L trình bày không có.

Ông Văn Minh C vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông C có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Trần Thị Thùy L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thùy L được ly hôn với ông Văn Minh C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/CNKH, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Văn Trần Trí T, sinh ngày 20/11/2015.

Bà Trần Thị Thùy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Văn Trần Trí T; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thùy L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Thùy L trình bày không có.

Nếu ông C có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Thùy L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084926 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo